

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2024/DS-PT
Ngày 11 tháng 4 năm 2024
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất và
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán:

Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 732/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 về vụ án “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 954/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huỳnh A, sinh năm 1978; có mặt

Địa chỉ cư trú: Số 218 Ấp Vĩnh H, xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long A.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Huỳnh A: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965; theo Giấy ủy quyền ngày 21/10/2023; có mặt.

Địa chỉ cư trú: Căn hộ C9.2 Tầng 9, Lô C Chung cư 238 Võ Văn K, phường Cô G, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

1. Bà Võ Thị N, sinh năm 1957; có mặt.

Địa chỉ cư trú: Số 9/8 Ấp Vĩnh H, xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Võ Thị N: Bà Phạm Thị L là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Hòa B, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long A; có mặt.

2. Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1953; có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Ấp Vĩnh H, xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long A.

3. Ông Võ Văn V, sinh năm 1952; có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Số 162 Ấp Vĩnh H, xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long A.

4. Bà Võ Thị H, sinh năm 1960; có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Số 113 Trần Văn Đ, phường Tân Kh, thành phố Tân A, tỉnh Long A.

5. Ông Võ Văn L, sinh năm 1963; có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ cư trú: Số 405 Ấp Vĩnh H, xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long A.

6. Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1964; có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Số 95 Ấp Vĩnh H, xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long A.

7. Ông Võ Văn Trai, sinh năm 1969; có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Số 404 Ấp Vĩnh Hòa, xã An Vĩnh Ngãi, thành phố Tân An, tỉnh Long A.

8. Ông Võ Văn Th, sinh năm 1971; có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Số 95 Ấp Vĩnh H, xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long A.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân thành phố Tân A, tỉnh Long A;

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Tân A: Ông Hồ Hoài V - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Tân A; có đơn xin vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Thị N, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn V, bà Võ Thị H, ông Võ Văn L, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn Tr, ông Võ Văn Th là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo bà Nguyễn Thị Huỳnh A thì: Thừa đất số 226 tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long A, trong đó có diện tích đất 290,8m² tranh chấp, có nguồn gốc của cụ Trần Thị H và ông Đ (con của cụ H); cụ Huê cho cụ Trần Văn Z canh tác trên thửa đất, sau đó cụ Z giao lại đất cho cụ Trần Thị C (mẹ của bà Nguyễn Thị Huỳnh A) quản lý, sử dụng và đóng thuế đất hàng năm. Đến năm 1988 sau khi cụ C chết, đất được giao lại cho bà Nguyễn Thị Huỳnh A, đến năm 1997 bà Huỳnh A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với phần diện tích 290,8m² đất tranh chấp, gia đình bà Huỳnh A trước đó cho cụ Võ Văn V (Ba V) và cụ M (là cha mẹ của bà Võ Thị N) mượn sử dụng để cột trâu. Nay bà Nguyễn Thị Huỳnh A khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị N, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn V, bà Võ Thị H, ông Võ Văn L, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn Tr, ông Võ Văn Th phải trả lại diện tích đất trên.

Về phía bị đơn thì cho rằng: Nguồn gốc đất tranh chấp do cha mẹ của bị đơn là cụ Võ Văn V và cụ M nhận chuyển nhượng từ cụ H và cụ Đ vào năm 1964. Sau năm 1975, cha mẹ bị đơn tiếp tục quản lý, sử dụng, đăng ký kê khai để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Ủy ban nhân dân xã An Vĩnh Ng đã làm thất lạc hồ sơ. Thực tế hiện nay trên đất có một số tài sản của bị đơn và một số loại cây trồng. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huỳnh A, bị đơn không đồng ý và có yêu cầu Tòa án huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/7/1997 do Ủy ban nhân dân thị xã Tân A cấp cho bà Nguyễn Thị Huỳnh A đối với thửa đất số 226 Tờ bản đồ số 2, đồng thời công nhận diện tích đất 290,8m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2023/DS-ST ngày 21/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Long A quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh.

Buộc bà Võ Thị N, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn V, bà Võ Thị H, ông Võ Văn L, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn Tr và ông Võ Văn Th trả lại cho bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh phần đất tranh chấp tại khu B có diện tích 290,8m², thuộc một phần thửa đất số 226, tờ bản đồ số 2, tọa lạc xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long A.

Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh A hoàn lại cho bà Võ Thị N giá trị cây trồng là 800.000 đồng. Bà A được sở hữu cây trồng trên đất tại khu B.

Đất tại khu B được xác định theo Mảnh trích đo địa chính số 1831-2018 của Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất Hưng Ph, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thành phố Tân A duyệt ngày 11-6-2018.

Không chấp nhận các yêu cầu của bà Võ Thị N đề nghị hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 079607 do Ủy ban nhân dân thị xã Tân An cấp cho bà Nguyễn Thị Huỳnh A ngày 16/7/1997 đối với thửa đất số 226, tờ bản đồ số 2; xác định diện tích đất 290,8m², thuộc thửa 226, tờ bản đồ số 2, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Võ Thị N.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02/10/2023, bà Võ Thị Nhung, bà Võ Thị Đành, ông Võ Văn Vẹn, bà Võ Thị Hồng, ông Võ Văn Lụa, bà Võ Thị Đẹp, ông Võ Văn Trai, ông Võ Văn Thượng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các ông bà Võ Thị N, Võ Thị Đ, Võ Văn V, Võ Thị H, Võ Văn L, Võ Thị Đ, Võ Văn Tr, Võ Văn Th giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do: Diện tích đất tranh chấp đã được gia đình của bị đơn sử dụng từ năm 1964, dùng để nuôi trâu và trồng cây lâu năm, tre, chuối....; gia đình bà Nguyễn Thị Huỳnh A không trực tiếp sử dụng nhưng vẫn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Võ Thị Nh trình bày: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp do mẹ của bà Nh nhận chuyển nhượng từ cụ Trần Thị H nhưng hiện nay đã thất lạc. Mặc dù không đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trên thực tế bà Nh có thực hiện việc đăng ký, kê khai và khi cụ Z, bà C còn sống cũng không có ai tranh chấp với bị đơn về diện tích đất trên. Đến năm 1988 khi cụ C mất, gia đình nguyên đơn tự đào mộ huyết để chôn cụ C trên diện tích đất này mặc dù có sự ngăn cản quyết liệt từ phía gia đình của bị đơn. Việc sử dụng đất liên tục, ổn định được bà Nguyễn Thị Huỳnh A thừa nhận tại Bản tự khai ngày 14/12/2017 và lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Văn Ph. Từ những căn cứ trên cho thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Huỳnh A trong đó có diện tích đất tranh chấp là không đúng pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Huỳnh A không chứng minh được việc cụ Ân cho gia đình bị đơn mượn đất để cột trâu và đồng thời khi gia đình bị đơn dỡ bỏ chuồng trâu thì nguyên đơn cũng không có ý kiến phản đối. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn và sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Võ Thị N thống nhất với quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Huỳnh A trình bày:

Các đương sự trong vụ án cùng thống nhất về nguồn gốc đất là của cụ Trần Thị H. Bị đơn cho rằng đất tranh chấp đã được cụ H chuyển nhượng cho cụ V và cụ M từ năm 1964 nhưng không có chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, bị đơn còn trình bày có quá trình sử dụng đất liên tục, ổn định lâu dài nhưng cũng không phù hợp với thực tế bởi lẽ hiện tại đất không có nhà ở, vật kiến trúc lâu năm. Trong khi đó, diện tích đất này đã được bà Nguyễn Thị Huỳnh A đăng ký, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, về pháp lý thì bà Huỳnh A đang là chủ sử dụng đất hợp pháp nên việc khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất của bà là có căn cứ. Về phía bị đơn không xuất trình được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh có quyền sử dụng đất hợp pháp nên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị đơn trả lại đất cho nguyên đơn là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Huỳnh A thống nhất với quan điểm của người đại diện theo ủy quyền và có ý kiến tự nguyện chịu một nửa chi phí tố tụng để hỗ trợ cho bị đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm thì có đủ cơ sở xác định đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ Trần Thị H, hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà Nguyễn Thị Huỳnh A. Mặc dù bà Võ Thị N và những bị đơn khác cho rằng cụ H đã chuyển nhượng cho cụ V và cụ M vào năm 1964 nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời không chấp nhận yêu cầu của bị đơn là phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không xuất trình được chứng cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện chịu một nửa chi phí tố tụng của bà Nguyễn Thị Huỳnh A và sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự và người đại diện hợp pháp của các đương sự vắng mặt nhưng thuộc trường hợp đã có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Võ Thị N, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn V, bà Võ Thị H, ông Võ Văn L, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn Tr, ông Võ Văn Th như sau:

[2.1] Đất tranh chấp có diện tích 290,8m² thuộc một phần thửa đất số 226 Tờ bản đồ số 2 tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long A. Các đương sự trong vụ án gồm bà Nguyễn Thị Huỳnh A, bà Võ Thị N, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn V, bà Võ Thị H, ông Võ Văn L, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn Tr, ông Võ Văn Th cùng thừa nhận diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Trần Thị H (là cô của bà Nguyễn Thị Huỳnh A).

[2.2] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Huỳnh A trình bày khi cụ Trần Thị H còn sống đã cho ông ngoại của bà là cụ Trần Văn Z toàn bộ diện tích 4.227m² thuộc thửa đất số 226 (trong đó có 290,8m² đất tranh chấp); vào năm 1967 cụ Trần Văn Z cho vợ chồng cụ Võ Văn V (Ba V) và cụ Võ Thị M mượn diện tích hiện đang tranh chấp để cột trâu và đắp hầm tăng xê chống pháo; đến năm 1979, cụ Trần Văn Z giao lại toàn bộ thửa đất 266 cho con gái là cụ Trần Thị C, sau khi cụ C chết năm 1988 thì bà Nguyễn Thị Anh Đ (con gái của cụ C) tiếp tục quản lý, sử dụng, đóng thuế đất hàng năm. Tuy nhiên, bị đơn thì cho rằng mặc dù đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Trần Thị H nhưng đã được cụ Huê chuyển nhượng cho cụ Võ Văn V (Ba V) vào năm 1964, sau khi cụ Võ Văn V và cụ Võ Thị M chết, các con tiếp tục sử dụng cho đến ngày phát sinh tranh chấp. Như vậy, lời khai của các bên đương sự không thống nhất về quá trình dịch chuyển quyền sử dụng đất từ sau khi cụ Trần Thị H mất.

[2.3] Theo Công văn số 12/ĐN.UB.96 ngày 04/5/1996, Ủy ban nhân dân xã An Vĩnh Ng xác nhận thửa đất số 226 có nguồn gốc do cụ Trần Thị H để lại, năm 1963 cụ H giao lại cho Trần Văn Z canh tác, đến năm 1967 cụ Ba V (là chồng của cụ Võ Thị M) mượn đất của cụ Trần Thị H xin để cột trâu và đắp hầm tăng xê tránh pháo; khoảng năm 1979 - 1980 cụ Trần Văn Z giao cho con gái là cụ Trần Thị C; năm 1988 cụ C chết nên giao phần đất này cho con gái là bà Nguyễn Thị Anh Đ thừa hưởng (trong đó có 200m² đất thổ), bà Đ đăng ký, kê khai và nộp thuế sử dụng đất hàng năm. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân xã An Vĩnh Ng đã đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã Tân A ra quyết định công nhận phần thổ 200m² này cho bà Nguyễn Thị Anh Đ vì bà Anh Đ đăng ký quyền sử dụng ruộng đất, còn ông Ba V không đăng ký, không nộp thuế sử dụng đất hàng năm. Ngoài ra, Người làm chứng là ông Nguyễn Văn Ph, ông Nguyễn Văn Đ là những người sinh ra và lớn lên ở gần nơi có đất tranh chấp cùng xác nhận có sự việc cụ Trần Văn Z cho vợ chồng cụ Võ Văn V (Ba V) và cụ Võ Thị M mượn đất cột trâu trên phần đất gò (là diện tích đất tranh chấp hiện nay); năm 1988 cụ C chết được chôn giữa gò xây mộ đá kiên cố, gia đình bị đơn không ngăn cản, không tranh chấp và cũng không có việc cụ H chuyển nhượng đất cho cụ Võ Văn V (Ba V) như bị đơn trình bày.

[2.4] Ngày 16/7/1997, bà Nguyễn Thị Huỳnh A được Ủy ban nhân dân thị xã Tân A, tỉnh Long A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 226 với diện tích 4.227m² (trong đó có diện tích đất tranh chấp). Mặc dù việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh A theo hình thức cấp đại trà nhưng chính quyền địa phương cũng đã làm thủ tục theo đúng quy định như: Thông báo niêm yết danh sách những hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu Trung Ương ngày 15/5/1997, Biên bản họp Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã An Vĩnh Ng ngày 01/6/1997, Tờ trình số 03/TT.DC.97 ngày 15/7/1997 của Phòng địa chính thị xã Tân A phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Huỳnh A là đúng trình tự, thủ tục luật định nên về mặt pháp lý, bà Nguyễn Thị Huỳnh A là chủ sử dụng hợp pháp đối với phần diện tích đất tranh chấp nêu trên.

[2.5] Các bị đơn cho rằng đất đã được cụ Trần Thị H và ông Lý Đ chuyển nhượng cho cụ Võ Văn V (Ba V) với chứng cứ xuất trình là bản photocopy Giấy mua đất đề ngày 10/9/1964 nhưng không cung cấp được bản chính, đồng thời nội dung của Giấy mua đất ngày 10/9/1964 cũng không thể hiện rõ vị trí đất chuyển nhượng ở đâu, vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy không có cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp đã được cụ Trần Thị Huê chuyển nhượng cho ông Võ Văn V (Ba V) theo Giấy mua đất ngày 10/9/1964 như bị đơn đã trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

[2.6] Ngoài ra, theo Biên bản thẩm định tại chỗ thể hiện trên đất tranh chấp còn có mộ đá kiên cố của cụ Trần Thị C (mẹ của bà A), bị đơn cho rằng khi cụ Trần Văn Z chôn lập mộ cụ Cẩm trên đất thì gia đình bị đơn ngăn cản và trình báo chính quyền địa phương nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Trong khi đó, tại Giấy xác nhận ngày 19/8/2023 ông Nguyễn Văn Tr trình bày: Vào năm 1988 ông là Trưởng Công an xã An Vĩnh Ng xác nhận tại thời điểm chôn cất cụ Trần Thị C, gia đình bà N không có đơn tranh chấp; và theo Biên bản xác minh ngày 18/01/1999, ông Lê Văn L là cán bộ địa chính xã An Vĩnh Ng trình bày: Vào năm 1992 Ủy ban nhân dân tỉnh Long A cấp quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Anh Đ, đến năm 1997 bà Đ để lại cho em ruột Nguyễn Thị Huỳnh A đứng tên, hiện nay trên gò có một cái mộ của cụ Trần Thị C (mẹ Nguyễn Thị Huỳnh A). Như vậy, không có căn cứ xác định khi sau khi cụ Cẩm chết được chôn cất tại đất tranh chấp thì gia đình bị đơn có ngăn cản hoặc tranh chấp như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm.

[2.7] Tại Công văn số 577/UBND-KT ngày 08/11/2021, Ủy ban nhân dân xã An Vĩnh Ngãi xác nhận không xác định được ai là người quản lý, sử dụng đất tranh chấp; trên thực tế diện tích đất gò khu B thuộc một phần của thửa đất số 226; từ khi cụ Trần Văn Z cho cụ Ba V cột trầu có trồng cây xung quanh, hiện trên đất tranh chấp có mộ bà C, 17 cây tràm bông vàng và 02 bụi tre và cỏ mọc hoang, nên bà N cho rằng bà đang sử dụng đất cũng là không có cơ sở.

[2.8] Như vậy, với các phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ xác định diện tích 290,8m² thuộc một phần thửa đất số 226, tờ bản đồ số 2, tọa lạc xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long A thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị Huỳnh A nên việc bà Huỳnh A khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại đất và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Thị N không cung cấp được chứng cứ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn và quan điểm của Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà N.

[2.9] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Huỳnh A tự nguyện chịu một nửa chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huỳnh A được chấp nhận nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh A phải chịu, đồng thời buộc các bị đơn liên đới chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng, là không đúng quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm về cách tính án phí dân sự sơ thẩm cho chính xác.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trừ những đương sự được miễn án phí theo quy định pháp luật.

[4] Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị N, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn V, bà Võ Thị H, ông Võ Văn L, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn Tr, ông Võ Văn Th và sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 65/23023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long A về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm.

- Áp dụng: Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Điều 26, Điều 101, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huỳnh A.

Buộc bà Võ Thị N, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn V, bà Võ Thị H, ông Võ Văn L, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn Tr và ông Võ Văn Th trả lại cho bà Nguyễn Thị Huỳnh A phần đất tranh chấp tại khu B có diện tích 290,8m² thuộc một phần thửa đất số 226, tờ bản đồ số 2, tọa lạc xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân An tỉnh Long A.

Đất tại khu B được xác định theo Mảnh trích đo địa chính số 1831-2018 của Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất Hưng Ph, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thành phố Tân A duyệt ngày 11 tháng 6 năm 2018.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh A hoàn lại cho bà Võ Thị N, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn V, bà Võ Thị H, ông Võ Văn L, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn Tr và ông Võ Văn Th giá trị cây trồng là 800.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Huỳnh A được sở hữu cây trồng trên đất tại khu B.

3. Không chấp nhận các yêu cầu của bà Võ Thị N, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn V, bà Võ Thị H, ông Võ Văn L, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn Trai và ông Võ Văn Th về: Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L079607 do Ủy ban nhân dân thị xã Tân An cấp cho bà Nguyễn Thị Huỳnh A ngày 16 tháng 7 năm 1997 đối với thửa đất số 226, tờ bản đồ số 2; xác định diện tích đất 290,8m², thuộc thửa 226, tờ bản đồ số 2 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Võ Thị N.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Võ Thị N, bà Võ Thị , ông Võ Văn V, bà Võ Thị H, ông Võ Văn L, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn Tr và ông Võ Văn Th có trách liên đới hoàn trả bà Nguyễn Thị Huỳnh A 8.000.000 đồng chi phí thẩm định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh A không phải chịu; được hoàn trả 750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001764 ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tân A, tỉnh Long A.

Bà Võ Thị N được miễn. Bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn V, bà Võ Thị H, ông Võ Văn L, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn Tr và ông Võ Văn Th, mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

6. Về án phí phúc thẩm: Bà Võ Thị N, bà Võ Thị L, bà Võ Thị H, bà Võ Thị Đ, bà Võ Thị N, ông Võ Văn V được miễn. Bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn Tr, ông Võ Văn Th, mỗi người phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo các Biên lai thu số 0005610, 0005611, 0005612 cùng ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân A, tỉnh Long A.

7. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

8. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế & Quản lý khoa học;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP; NTTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Mạnh Cường